



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

Tầng 4, 168 Đường Láng, Quận Đống Đa  
Hà Nội, Việt Nam

Tel: (04) 3577 0781/Fax: (04) 3577 0787  
www.vaco.com.vn; info@vaco.com.vn

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT**  
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3-4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8-16



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên
Ông Nghiêm Tiến Sỹ	Thành viên
Ông Lê Khánh Hiền	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Thành	Phó Tổng Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các qui định hiện hành về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Văn Dũng  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2011



Số: 073 /VACO/BCKT.NV2

**BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần chứng khoán Tân Việt

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần chứng khoán Tân Việt (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc ở trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, báo cáo kiểm toán viên đề ngày 31/03/2010, trong đó đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

**Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.



Nguyễn Đức Tiến  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0517/KTV

Nguyễn Minh Hùng  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0294/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2011

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 01-CTCK  
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+150)	<b>100</b>		<b>1.080.893.437.853</b>	<b>2.845.309.695.775</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>04</b>	<b>192.461.224.984</b>	<b>272.601.963.924</b>
1. Tiền	111		74.256.224.984	272.601.963.924
2. Các khoản tương đương tiền	112		118.205.000.000	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>05</b>	<b>102.737.617.366</b>	<b>158.224.860.821</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		136.356.333.173	193.621.250.194
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(33.618.715.807)	(35.396.389.373)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>780.341.695.329</b>	<b>2.413.417.311.857</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		191.276.716.039	3.636.338.741
2. Trả trước cho người bán	132		1.609.492.362	1.559.777.189
3. Các khoản phải thu khác	138	06	587.455.486.928	2.408.221.195.927
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.352.900.174</b>	<b>1.065.559.173</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.145.066.303	657.833.680
2. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		51.617.516	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		4.156.216.355	407.725.493
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220+260)	<b>200</b>		<b>12.452.652.698</b>	<b>11.949.631.318</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9.899.872.808</b>	<b>10.265.545.740</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	07	8.426.292.743	9.185.093.461
- Nguyên giá	222		25.037.504.415	20.155.717.315
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.611.211.672)	(10.970.623.854)
2. Tài sản cố định vô hình	227	08	1.473.580.065	1.080.452.279
- Nguyên giá	228		7.235.961.173	5.040.823.297
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.762.381.108)	(3.960.371.018)
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.552.779.890</b>	<b>1.684.085.578</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	624.200.070
2. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	09	2.312.104.890	694.370.508
3. Tài sản dài hạn khác	268		240.675.000	365.515.000
<b>TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.093.346.090.551</b>	<b>2.857.259.327.093</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 01-CTCK  
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>730.445.418.420</b>	<b>2.444.100.219.319</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>380.320.923.206</b>	<b>650.300.533.099</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10	208.462.502.641	15.000.000.000
2. Phải trả người bán	312		3.820.048.725	1.242.119.872
3. Người mua trả tiền trước	313		501.906.382	414.476.900
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	1.363.520.048	6.754.032.682
5. Phải trả nhân viên	315		4.748.124.234	553.441.904
6. Chi phí phải trả	316	12	2.915.126.723	363.370.255.280
7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	13	1.472.298.693	-
8. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		14.261.030	15.393.231
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1.435.490.258	671.750
10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	14	155.587.644.472	262.950.141.480
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>350.124.495.214</b>	<b>1.793.799.686.220</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333	15	350.000.000.000	1.793.600.000.000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		124.495.214	199.686.220
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>	<b>16</b>	<b>362.900.672.131</b>	<b>413.159.107.774</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>362.900.672.131</b>	<b>413.159.107.774</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		350.000.000.000	350.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	418		6.495.082.530	199.079.724
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.405.589.601	62.960.028.050
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>400</b>		<b>1.093.346.090.551</b>	<b>2.857.259.327.093</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2010	31/12/2009
- Chứng khoán tự doanh của Công ty	62.139.320.000	25.326.310.000
- Chứng khoán lưu ký của nhà đầu tư	1.199.898.840.000	697.538.690.000



Nguyễn Văn Dũng  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2011

Lê Thanh Tùng  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 02-CTCK  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
<b>1. Doanh thu</b>	<b>01</b>		<b>204.257.933.097</b>	<b>526.433.739.282</b>
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		48.603.890.800	37.487.259.354
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		10.368.154.199	78.866.981.446
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		12.021.777.807	10.797.681.610
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		-	-
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		7.861.457	16.240.790
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
Doanh thu khác	01.9		133.256.248.834	399.265.576.082
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>		<b>16.152.203</b>	<b>3.646.115</b>
<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>204.241.780.894</b>	<b>526.430.093.167</b>
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11		184.806.550.791	421.037.542.612
<b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>19.435.230.103</b>	<b>105.392.550.555</b>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14.306.472.858	12.562.955.425
<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)</b>	<b>30</b>		<b>5.128.757.245</b>	<b>92.829.595.130</b>
8. Thu nhập khác	31		17.043.835	210.699.841
9. Chi phí khác	32		7.893.333	154.137.500
<b>10. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>9.150.502</b>	<b>56.562.341</b>
<b>11. Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>5.137.907.747</b>	<b>92.886.157.471</b>
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	17	-	10.919.838.306
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>14. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>5.137.907.747</b>	<b>81.966.319.165</b>
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	18	147	2.877



Nguyễn Văn Dũng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2011

Lê Thanh Tùng  
Kế toán trưởng



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Mẫu B 03-CTCK  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010	Năm 2009
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	5.137.907.747	92.886.157.471
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	2	7.679.123.741	7.444.301.184
- Các khoản dự phòng	3	(1.777.673.566)	(427.070.187)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(20.234.984.289)	-
- Chi phí lãi vay	6	92.668.013.289	363.371.483.333
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	83.472.386.922	463.274.871.801
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	9	1.816.941.678.062	(617.664.754.467)
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.521.628.468.942)	84.793.518.549
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	136.967.447	2.396.632.067
- Tiền lãi vay đã trả	13	(533.216.988.532)	(63.583.333)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(6.542.299.784)	(4.151.295.972)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.471.349.901	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(5.992.692.004)	1.455.556
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(165.358.066.930)	(71.413.155.799)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.073.230.228)	(4.385.791.488)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	87.040.002	-
3. Tiền chi cho vay, mua sắm công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.810.467.582.317)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.622.801.412.405	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	131.376.018.365	20.539.902.147
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30	(60.276.341.773)	16.154.110.659
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	222.000.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	836.150.913.886	15.000.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(642.688.411.245)	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(47.968.832.878)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	145.493.669.763	237.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(80.140.738.940)	181.740.954.860
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	272.601.963.924	90.861.009.064
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	192.461.224.984	272.601.963.924



Nguyễn Văn Dũng  
Tổng Giám đốc

Lê Thanh Tùng  
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2011



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (“Công ty”) được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/12/2006 và Giấy phép thành lập và hoạt động số 40/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2006.

Các cổ đông sáng lập của Công ty bao gồm:

- Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT;
- Ông Trần Việt Đức;
- Ông Nguyễn Văn Dũng;
- Ông Nguyễn Việt Cường;
- Ông Vũ Thành Trung.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2010 là 293 người (tại ngày 31/12/2009 là 230 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn tài chính;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Công ty lập báo cáo tài chính theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Tuy nhiên, chưa loại trừ chỉ tiêu Tiền gửi ngân hàng của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán khỏi bảng cân đối kế toán.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

**Hình thức kế toán**

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty sử dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**Tiền ký quỹ của nhà đầu tư**

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán.

**Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán**

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

**Đầu tư tài chính và dự phòng giảm giá đầu tư tài chính**

Đầu tư ngắn hạn bao gồm chứng khoán thương mại và các khoản đầu tư ngắn hạn khác của Công ty. Đầu tư tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư tài chính.

**Đầu tư ngắn hạn và dài hạn**

Việc phân loại khoản đầu tư tài chính, chứng khoán là đầu tư ngắn hạn hay dài hạn phụ thuộc vào quyết định của Ban Giám đốc. Theo đó, các khoản đầu tư được coi là ngắn hạn khi Công ty dự định sẽ đầu tư với thời hạn dưới 12 tháng.

Giá gốc của các khoản đầu tư chứng khoán xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá cho các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được thực hiện theo những hướng dẫn trong Thông tư số 11/2000/TT-BTC ("Thông tư 11") ngày 01/02/2000 do Bộ Tài chính ban hành, hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với công ty chứng khoán cổ phần và trách nhiệm hữu hạn và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp

Dự phòng giảm giá cho các chứng khoán chưa được niêm yết được thực hiện trên cơ sở đánh giá của Ban Giám đốc về giá trị suy giảm của các cổ phiếu, tham khảo báo giá của 3 công ty chứng khoán khác do Công ty thu thập. Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Các hợp đồng bán lại**

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán. Phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại không được ghi nhận là doanh thu theo nguyên tắc thận trọng trừ khi Công ty có khả năng nhận được phần chênh lệch này một cách chắc chắn.

**Phải thu khách hàng**

Phải thu khách hàng bao gồm phải thu phí dịch vụ, cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư, phải thu tiền bán chứng khoán tự doanh chưa niêm yết.

**Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu**

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà Công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

**Phải trả khác**

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư và các khoản phải trả khác.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm sử dụng

Máy móc thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải	03 - 06
Thiết bị, dụng cụ văn phòng	03 - 06
Tài sản cố định khác	03

**Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là giá trị của các chương trình phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian là 3 năm.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Doanh thu**

• **Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán:**

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

• **Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn:**

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết (lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do công ty nắm giữ, lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích).

• **Doanh thu hoạt động tư vấn:**

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

• **Doanh thu khác:**

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư tài chính, doanh thu khác..., được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Tại ngày 31/12/2010, Công ty không ghi nhận khoản thuế thu nhập hoãn lại do các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập là không trọng yếu.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tiền mặt	3.475.000	4.449.500
Tiền gửi ngân hàng	69.005.898.396	208.499.577.571
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	5.246.851.588	64.097.936.853
Các khoản tương đương tiền	118.205.000.000	-
	<b>192.461.224.984</b>	<b>272.601.963.924</b>

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số lượng chứng khoán	Giá trị theo sổ kế toán VND	Giảm so với giá thị trường VND	Giá trị theo giá thị trường VND
<i>Chứng khoán đầu tư</i>	5.974.307	136.356.333.173	(33.618.715.807)	102.737.617.366
Chứng khoán sẵn sàng để bán	5.974.307	136.356.333.173	(33.618.715.807)	102.737.617.366
<i>Đầu tư tài chính khác</i>	-	-	-	-
	<b>5.974.307</b>	<b>136.356.333.173</b>	<b>(33.618.715.807)</b>	<b>102.737.617.366</b>

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
<b>Chứng khoán tự doanh</b>	<b>136.356.333.173</b>	<b>193.621.250.194</b>
Cổ phiếu chưa niêm yết	84.000.068.047	92.005.125.650
Cổ phiếu niêm yết	49.692.465.126	101.615.124.544
Trái phiếu	2.663.800.000	1.000.000
<b>Đầu tư ngắn hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Trừ : Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn</b>	<b>(33.618.715.807)</b>	<b>(35.396.389.373)</b>
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>102.737.617.366</b>	<b>158.224.860.821</b>

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn chưa niêm yết được ghi nhận dựa trên sự đánh giá giá trị suy giảm của Ban Giám đốc và Công ty tham khảo 3 báo giá của 3 công ty chứng khoán khác.

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Lãi dự thu	1.136.859.555	389.464.037.625
Phải thu các hợp đồng bán lại chứng khoán của Công ty Cổ phần Đầu tư An Đông	-	1.793.600.000.000
Phải thu các hợp đồng bán lại chứng khoán của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn (i)	538.084.000.000	188.084.000.000
Phải thu các hợp đồng bán lại chứng khoán nhỏ lẻ khác	4.540.679.400	-
Phải thu nhà đầu tư	35.555.511.710	30.624.536.080
Phải thu cổ tức	1.559.112.028	-
Phải thu khác	6.579.324.235	6.448.622.222
	<b>587.455.486.928</b>	<b>2.408.221.195.927</b>

**Ghi chú:** (i) Phải thu liên quan đến các hợp đồng bán lại chứng khoán của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn với giá trung bình 18.616 đồng/một cổ phần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT**  
Số 152, Phố Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU B 09-CTCK**

**7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, VND	Phương tiện VND	Thiết bị VND	TSCĐ hữu VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 31/12/2009	15.649.840.923	1.066.243.200	3.165.844.180	273.789.012	20.155.717.315
Tăng trong năm	4.773.491.833	-	498.246.678	-	5.271.738.511
Giảm trong năm	353.511.411	-	36.440.000	-	389.951.411
Tại ngày 31/12/2010	<b>20.069.821.345</b>	<b>1.066.243.200</b>	<b>3.627.650.858</b>	<b>273.789.012</b>	<b>25.037.504.415</b>
<b>KHẤU HAO LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 31/12/2009	8.506.195.831	454.768.276	1.767.243.211	242.416.536	10.970.623.854
Tăng trong năm	4.588.154.508	192.971.546	1.064.615.121	31.372.476	5.877.113.651
Giảm trong năm	122.900.785	96.245.049	17.379.999	-	236.525.833
Tại ngày 31/12/2010	<b>12.971.449.554</b>	<b>551.494.773</b>	<b>2.814.478.333</b>	<b>273.789.012</b>	<b>16.611.211.672</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2009	7.143.645.092	611.474.924	1.398.600.969	31.372.476	9.185.093.461
Tại ngày 31/12/2010	<b>7.098.371.791</b>	<b>514.748.427</b>	<b>813.172.525</b>	-	<b>8.426.292.743</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm vi tính VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 31/12/2009	5.040.823.297	5.040.823.297
Tăng trong năm	2.195.137.876	2.195.137.876
Giảm trong năm	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>7.235.961.173</b>	<b>7.235.961.173</b>
<b>KHẤU HAO LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 31/12/2009	3.960.371.018	3.960.371.018
Tăng trong năm	1.802.010.090	1.802.010.090
Giảm trong năm	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>5.762.381.108</b>	<b>5.762.381.108</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 31/12/2009	1.080.452.279	1.080.452.279
Tại ngày 31/12/2010	1.473.580.065	1.473.580.065

**9. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền nộp ban đầu	124.489.244	124.489.244
Tiền nộp bổ sung	1.968.453.856	557.814.688
Tiền lãi phân bổ trong năm	219.161.790	12.066.576
	<b>2.312.104.890</b>	<b>694.370.508</b>

**10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Công ty CP Đầu tư Tài chính Bảo Hiểm Dầu khí (i)	32.000.000.000	15.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội (ii)	59.232.599.169	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (iii)	80.000.000.000	-
Vay cá nhân (iv)	37.229.903.472	-
	<b>208.462.502.641</b>	<b>15.000.000.000</b>

Ghi chú:

- (i) Gồm 2 hợp đồng có thời hạn 3 tháng, lãi suất 16,5% năm và 18% năm, bảo đảm bằng chứng khoán tự doanh.
- (ii) Gồm 3 hợp đồng vay và một hợp đồng cho vay ứng trước tiền bán. Trong đó có 2 hợp đồng vay thời hạn 3 tháng và một hợp đồng vay thời hạn 6 tháng, lãi suất thả nổi, bảo đảm bằng chứng khoán tự doanh.
- (iii) Bao gồm 2 hợp đồng có thời hạn 1 tháng, lãi suất 19% năm và 20% năm.
- (iv) Bao gồm nhiều hợp đồng vay cá nhân với lãi suất từ 16% năm đến 20% năm.

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	6.542.299.784
Thuế thu nhập cá nhân	1.363.520.048	211.732.898
	<b>1.363.520.048</b>	<b>6.754.032.682</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Lãi vay phải trả	1.785.583.229	363.307.900.000
Chi phí phải trả khác	1.129.543.494	62.355.280
	<b>2.915.126.723</b>	<b>363.370.255.280</b>

**13. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Phải trả liên quan đến quyền mua thêm cổ phiếu của nhà đầu tư	1.472.298.693	-
	<b>1.472.298.693</b>	<b>-</b>

**14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tiền gửi thanh toán của nhà đầu tư	152.352.234.203	259.084.882.696
Phải trả phải nộp khác	3.235.410.269	3.865.258.784
	<b>155.587.644.472</b>	<b>262.950.141.480</b>

**15. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

Số dư 350 tỷ đồng phải trả dài hạn khác tại ngày 31/12/2010 là khoản đặt cọc mua chứng khoán của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Tín Nghĩa theo Hợp đồng số 01/HĐMG-TVSI.10, Hợp đồng số 02/HĐMG-TVSI.10 và Hợp đồng số 03/HĐMG-TVSI.10.

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND
Số dư tại 31/12/2008	128.000.000.000	199.079.724	(19.006.291.115)
<i>Tăng trong năm</i>	<i>222.000.000.000</i>	-	<i>81.966.319.165</i>
Tăng vốn trong năm	222.000.000.000	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	81.966.319.165
<i>Giảm trong năm</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số dư tại 31/12/2009	350.000.000.000	199.079.724	62.960.028.050
<i>Tăng trong năm</i>	<i>-</i>	<i>6.296.002.806</i>	<i>5.137.907.747</i>
Trích quỹ trong năm	-	6.296.002.806	-
Lãi trong năm	-	-	5.137.907.747
<i>Giảm trong năm</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>61.692.346.196</i>
Phân phối lợi nhuận 2009	-	-	61.692.346.196
Số dư tại 31/12/2010	<b>350.000.000.000</b>	<b>6.495.082.530</b>	<b>6.405.589.601</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

*Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu như sau:*

Cổ đông	Vốn đầu tư của chủ sở hữu đã góp đến thời điểm 31/12/2010	
	VND	%
Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Sài Gòn	38.500.000.000	11,00%
Nguyễn Văn Dũng	68.627.390.000	19,61%
Nguyễn Việt Cường	62.809.030.000	17,95%
Công ty Cổ phần Tập đoàn HiPT	11.054.590.000	3,16%
Các cổ đông khác	169.008.990.000	48,29%
	<b>350.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

**Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty tại ngày 31/12/2010:**

Cổ phiếu phổ thông của cổ đông sáng lập:	
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	35.000.000 cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	35.000.000 cổ phiếu
+ Mệnh giá của cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	35.000.000 cổ phiếu

**17. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>5.137.907.747</b>	<b>92.886.157.471</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế (cổ tức được chia)	(9.678.979.178)	(8.859.662.356)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	1.362.292.396
Chuyển lỗ của năm trước	-	(22.989.711.476)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>(4.541.071.431)</b>	<b>62.399.076.035</b>
Thuế suất	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>15.599.769.009</b>
Trừ: 30% thuế thu nhập được miễn giảm	-	(4.679.930.703)
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>10.919.838.306</b>

Công ty chưa loại trừ các khoản chi phí không được khấu trừ phát sinh trong năm khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2010. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**18. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.137.907.747	81.966.319.165
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	35.000.000	28.492.055
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	147	2.877
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

**19. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN GIAO DỊCH TRONG NĂM**

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VND	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VND
a) Cửa Công ty chứng khoán - Cổ phiếu	3.637.944 3.637.944	124.637.395.600 124.637.395.600
b) Cửa nhà đầu tư - Cổ phiếu	527.420.670 527.420.670	17.302.004.754.400 17.302.004.754.400
	<b>531.058.614</b>	<b>17.426.642.150.000</b>

**20. CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Thu nhập Ban Giám đốc**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Ban Giám đốc	2.008.278.525	1.583.628.400

**21. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Thuê hoạt động là các khoản thuê văn phòng làm việc của Công ty. Chi phí thuê hoạt động đã ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm là 7.350.688.150 đồng.

Tại ngày 31/12/2010, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Trong vòng một năm tới	4.880.200.110	7.270.529.699
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	3.640.275.288	13.833.442.146
	<b>8.520.475.398</b>	<b>21.103.971.845</b>

**22. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính năm 2009 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Một số khoản mục được trình bày lại cho phù hợp với mục đích so sánh của năm nay.